

Bản án số: 30/2022/HNGĐ - ST

Ngày 28 tháng 7 năm 2022

“Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Ái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Phương Thúy và ông Phan Duy Lục

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện  
Vĩnh Tường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét  
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm  
2022 về việc ly hôn, phân chia con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
68/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Tráng Thị T, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Tổ x, thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang,  
(vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Bùi Mạnh H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Đội 14, thôn x, xã Đại  
Đồng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng  
3 năm 2022 và những lời khai tiếp theo, thể hiện:*

Chị Tráng Thị T và anh Bùi Mạnh H kết hôn với nhau vào ngày 09/3/2007,  
trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy  
ban nhân dân xã Đại Đồng. Cưới xong, chị T về làm dâu và ở chung cùng gia đình  
anh H được khoảng 03 năm thì vợ chồng đưa nhau lên tỉnh Hà Giang làm ăn sinh  
sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn,  
nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn và trong cuộc sống hàng  
ngày, vợ chồng đã nhiều lần thu xếp để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả,

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Đến năm 2018 anh H bị tai nạn giao thông đi lại khó khăn sinh ra cấu gât, vợ chồng thường xuyên va chạm khiến không khí gia đình căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2020 anh H về quê sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh H. Vì điều kiện ở xa không về được chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Bùi Thị Kim D, sinh ngày 24/10/2007, Bùi Yên V, sinh ngày 27/4/2009 và Bùi Minh Q, sinh ngày 12/10/2014. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với anh H. Ly hôn do điều kiện kinh tế không đảm bảo, hơn nữa các cháu đang sinh sống học tập ổn định với anh H nên chị nhường quyền nuôi dưỡng cả ba con chung cho anh H.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Mạnh H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại lời khai ngày 03/6/2022 anh thừa nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh là do trong thời gian anh bị tai nạn lao động đi lại khó khăn chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh đã chấp nhận tha thứ để chị T về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng chị T không về. Nay chị T làm đơn ly hôn anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn. Vì điều kiện sức khỏe đi lại khó khăn anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 03 con chung đúng như chị T trình bày. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn, đã chấp hành đúng các quy định của

pháp luật tố tụng dân sự, quá trình giải quyết vụ án anh H, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T anh H theo quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho Chị Tráng Thị T được ly hôn với anh Bùi Mạnh H.

Về con chung: Giao cho anh Bùi Mạnh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim D, sinh ngày 24/10/2007, cháu Bùi Yến V, sinh ngày 27/4/2009 và Bùi Minh Q, sinh ngày 12/10/2014 hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tráng Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung với anh Bùi Mạnh H. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung: Chị Tráng Thị T và anh Bùi Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong cuộc sống hàng ngày, mặt khác do vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau anh H cho rằng chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không có chứng cứ chứng minh, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được. Mặt khác sau khi anh H bị tai nạn giao thông tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng đã ly thân từ

tháng 6/2020 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, hai gia đình không dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ, bản thân anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Bùi Thị Kim Duyên, sinh ngày 24/10/2007, Bùi Yến Vy, sinh ngày 27/4/2009 và Bùi Minh Quân, sinh ngày 12/10/2014. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với anh H. Xét nguyện vọng nuôi con chung của anh H là thực tâm, phù hợp với thực tế, các cháu Duyên, cháu Vy, Quân đã ổn định nơi ăn, ở và học tập đồng thời đều có nguyện vọng ở với anh H, vì vậy để tránh sáo trộn về tâm lý, điều kiện học tập của các cháu cần giao cả 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng như nguyện vọng của anh H, chị T là có căn cứ.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chị Tráng Thị T được ly hôn với anh Bùi Mạnh H.

**2. Về con chung:** Giao cho anh Bùi Mạnh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim D, sinh ngày 24/10/2007, cháu Bùi Yến V, sinh ngày 27/4/2009 và Bùi Minh Q, sinh ngày 12/10/2014, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức:** Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Tráng Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0005463 ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Tráng Thị T, anh Bùi Mạnh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Đại Đồng, Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đỗ Minh Ái**

